

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2024/HSPT
Ngày: 26/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÂM VƯƠNG MỸ LINH**

Các Thẩm phán: 1/ Ông **NGUYỄN ANH**
2/ Bà **LÊ THỊ HIỀN**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **VÕ TÚ NGỌC** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **PHẠM BAI** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 06/2024/TLPT-HS ngày 16 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo **Nguyễn Công H**, **Đỗ T** và **Nguyễn Văn H1**, do có kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Văn H1** và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đối với bản án hình sự sơ thẩm số 313/2023/HSST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Các bị cáo bị kháng nghị:

1. NGUYỄN CÔNG H2 - Sinh năm: 1984 tại Nghệ An

Nơi ĐKKHKT: Số 186 Đồng Nai, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở: Hẻm 160/3 Đồng Nai, phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: **Nguyễn Công B** và bà Phạm Thị Hồng

Vợ: **Phạm Thị Hồng P**, có 2 con sinh năm 2014 và năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2022 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. ĐỖ THÁNH - Sinh năm: 1979 tại Khánh Hòa

Nơi ĐKKHKT: **Tổ A V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.**

Chỗ ở: 54 **P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.**

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: **Đỗ T1** và bà Chu Thị Khuê

Vợ: **Lê Thị Thanh T2**, có 2 con sinh năm 2005 và năm 2007.

Tiền sự: Không

Tiền án:

- Bản án số 91/1999/HSST ngày 10/9/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 6 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ tháng 8 - tháng 10/1998, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/4/2004.

- Bản án số 64/2009/HSST ngày 23/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 9 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 15/11/2006, đã nộp án phí HSST năm 2018.

- Bản án số 42/2009/HSST ngày 08/7/2009 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 6 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào tháng 5/2008, đã nộp án phí HSST.

Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù của Bản án số 64/2009/HSST ngày 23/3/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang và Bản án số 42/2009/HSST ngày 08/7/2009 của Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh ngày 15/5/2019.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/01/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:*

3. NGUYỄN VĂN H3 - Sinh năm: 1972 tại Khánh Hòa

Nơi ĐKKHKT: **34/2/3 N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.**

Nghề nghiệp: lái xe; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: **Nguyễn Văn X** và bà **Trương Thị X1**, có 1 con sinh năm 2019

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Bản án số 112/1993/HSPT ngày 23/4/1993 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 14 năm tù về tội “Giết người” theo khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 1985, thực hiện hành vi phạm tội ngày 25/5/1992.

- Bản án số 438/1993/HSPT ngày 27/9/1993 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 7 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân” theo khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự năm 1985, tổng hợp hình phạt với Bản án số 112/1993/HSPT ngày 23/4/1993 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 20 năm tù; thực hiện hành vi phạm tội vào tháng 5/1992; đã đóng án phí HSST, án phí HSPT, nộp tiền sung công quỹ năm 2011.

- Bản án số 21/1993/HSST ngày 27/5/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 1985, tổng hợp hình phạt với Bản án số 438/1993/HSPT ngày 27/9/1993 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 20 năm tù;

bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào tháng 5 và tháng 9/1992, đã đóng án phí và tiền sung Ngân sách nhà nước năm 2011; chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2008.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Công H là nhân viên lái xe công trình của **Tập đoàn K**. Trong quá trình làm việc tại mỏ đá **Đ**, xã **V**, thành phố **N**, **H** nhìn thấy có số lượng lớn sắt vật tư của **công ty cổ phần Q** (là công ty con của **Tập đoàn K**) không có người trông giữ nên **H** nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Vào khoảng trưa ngày 11/5/2022, trong lúc ăn uống tại nhà của **Đỗ T** (đường **P**- xã **V**), **H** nói cho **T** biết khu vực mỏ đá **Đ**, xã **V** có nhiều sắt vật tư nhưng công tác quản lý lỏng lẻo, đi đường vòng ra phía sau mỏ đá thì bảo vệ không biết, có thể lấy trộm số sắt để bán, đồng thời cả hai cùng bàn bạc thống nhất tìm người mua số sắt để bán lấy tiền tiêu dùng. Sau đó, **T** nói cho **Nguyễn Văn H1** biết việc **H** sẽ lấy trộm sắt tại công trình làm việc của **L** và nhờ **H1** tìm người thu mua sắt phế liệu, **H1** đồng ý. **H1** gọi điện thoại cho **T3** Thanh Tịnh hỏi về việc bán sắt phế liệu cho **T4** nhưng do **T4** có việc bận nên không thu mua sắt mà giới thiệu **Nguyễn Thu T5** để mua sắt phế liệu. **T4** đưa số điện thoại của **T5** cho **H1** và **H1** đưa số điện thoại của **T5** cho **T** để liên lạc giao dịch. Thành liên hệ với **T5**, thống nhất giá mua bán là 9.000 đồng/kg sắt và hẹn tối đến mỏ đá **Đ** - xã **V** để mua sắt phế liệu. Lúc này, **T** báo cho **H** biết đã tìm được người thu mua sắt và hẹn **L** khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày đến ngã ba Nhà máy sợi để đi trộm sắt.

Đến khoảng 22 giờ 00 phút, **Nguyễn Công H** đến ngã ba Nhà máy sợi gặp **T** và dẫn **T** đến mỏ đá **Đ** - xã **V** bằng đường mòn phía sau mỏ đá, **H** chỉ cho **T** biết các tấm sắt vật tư để tại mỏ đá, đồng thời điều khiển xe máy xúc chở vật tư từ bên trong để sẵn ở ngoài khu vực sau mỏ đá chờ xe tải mua phế liệu đến. Cùng lúc này, **T** đi ra đường **Q** dẫn đường cho xe tải của **Nguyễn Thu T5** và **Vũ Văn S** đến chỗ **H** để sẵn sắt vật tư thu mua. Xe ô tô của **T5** đi gần đến nơi **H** tập kết sắt thì đường xấu nên xe tải không vào được, **H** liền điều khiển xe máy xúc san đường để xe tải đi vào. Xe tải vào đến nơi, **H** điều khiển xe máy xúc 04 tấm vật tư bằng kim loại (1 hàm 150 tĩnh chưa qua sử dụng, 1 hàm 150 động chưa qua sử dụng, 1 hàm 150 tĩnh đã qua sử dụng và 1 tấm vật tư kim loại) để lên xe tải của **T5** để **T5** chở đi, **T** cũng điều khiển xe máy đi theo xe tải của **T5** đến trạm cân trên đường **N** để theo dõi cân số sắt trộm được, **T** được báo số sắt là 4 tấn. Trong lúc đó, **H** dùng máy xúc chở thêm 13 tấm sắt vật tư (gồm: 01 hàm động 186 đã qua sử dụng, 02 hàm 186 động chưa qua sử dụng, 03 hàm 150 động chưa qua sử dụng, 01 hàm 150 tĩnh chưa qua sử dụng, 02 hàm 150 động đã qua sử dụng, 02 nón 1300 tĩnh chưa qua sử dụng, 01 nón 1300 động chưa qua sử dụng, 01 nón 1300 động đã qua sử dụng) đến chỗ tập kết chờ **T5** chở tiếp. Sau đó, **T5** không mua nữa và đi về thì **T**

báo cho H biết, H dùng máy xúc đào hố lấp đất chôn 13 tấm vật tư bằng kim loại này tránh bị phát hiện.

Đến sáng ngày 12/5/2022, Đỗ T và Nguyễn Thu T5 tiếp tục đến trạm cân trên đường L để cân xe và thông báo số sắt bán khoảng 3,8 tấn và T5 chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của H1 số tiền mua sắt là 34.000.000 đồng. H1 đã đưa hết số tiền trên cho T, T chia cho H 8.000.000 đồng, cho H1 4.000.000 đồng, T được 4.000.000 đồng, còn lại 18.000.000 đồng thì T, H và H1 sử dụng để ăn uống chung. Sau khi mua số sắt vật tư trên, T5 bán lại số sắt trên cho Trần Thị P1 với giá 10.000 đồng/kg, chỉ P1 lại bán lại số sắt trên cho Nguyễn Ngọc T6 thuộc Công ty cổ phần T9 (cụm C - xã H - thành phố B - Đắk Lắk).

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố N, Nguyễn Công H đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên, Đỗ T không thừa nhận việc trộm cắp tài sản cùng với H.

Nguyễn Văn H1 biết Nguyễn Công H, Đỗ T trộm cắp tài sản nhưng vẫn giới thiệu để Nguyễn Thu T5 tiêu thụ và hưởng lợi 4.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 149/KL-HĐĐGTS ngày 15/6/2022 và số 10/KL-HĐĐGTS ngày 11/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận:

- 04 tấm hàm 150 động, có trọng lượng 4.300kg chưa qua sử dụng, mua mới tháng 7/2019 có giá trị 167.700.000 đồng.
- 02 tấm hàm 150 tĩnh, có trọng lượng 1.866kg chưa qua sử dụng, mua mới tháng 7/2019 có giá trị 72.774.000 đồng.
- 02 tấm hàm 186 động, có trọng lượng 880kg chưa qua sử dụng, mua mới tháng 7/2019 có giá trị 34.320.000 đồng.
- 01 nón 1300 động, có trọng lượng 904kg chưa qua sử dụng, mua mới tháng 7/2019 có giá trị 36.160.000 đồng.
- 02 nón 1300 tĩnh, có trọng lượng 1.657kg chưa qua sử dụng, mua mới tháng 7/2019 có giá trị 66.280.000 đồng.
- 01 nón 1300 động, chất liệu bằng sắt, trọng lượng 500kg, đã cũ và không còn giá trị sử dụng có giá trị 4.500.000 đồng.
- 01 hàm 150 động, chất liệu bằng sắt, trọng lượng 680kg, đã cũ và không còn giá trị sử dụng có giá trị 6.120.000 đồng.
- 01 hàm 150 động, chất liệu bằng sắt, trọng lượng 740kg, đã cũ và không còn giá trị sử dụng có giá trị 6.660.000 đồng.
- 01 hàm 186 động, chất liệu bằng sắt, trọng lượng 310kg, đã cũ và không còn giá trị sử dụng có giá trị 2.790.000 đồng.
- 01 hàm 150 tĩnh, chất liệu bằng sắt, trọng lượng 534kg, đã cũ và không còn giá trị sử dụng có giá trị 4.806.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Công H, Đỗ T7 đã lén lút trộm cắp là 402.110.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn H1 giới thiệu để Nguyễn Công H và Đỗ T tiêu thụ là 79.920.000 đồng, gồm 01 tấm hàm 150 tính mới giá trị 36.114.000 đồng, 01 tấm hàm 150 động mới có giá trị 39.000.000 đồng; 01 tấm hàm 150 tính cũ có giá trị 4.806.000 đồng và 01 tấm vật tư không thu giữ được nên không có cơ sở định giá.

Bản án hình sự sơ thẩm số 313/2023/HSST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Công H 9 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/6/2022. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Đỗ T 9 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/01/2023. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Văn H1 1 năm 6 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về biện pháp tư pháp, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14/12/2023, bị cáo Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/QĐ-VKS-P7 ngày 05/01/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa kháng nghị bản án số 313/2023/HSST ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa huỷ bản án hình sự sơ thẩm số 313/2023/HS-ST ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang để điều tra, xét xử lại theo hướng: xem xét dấu hiệu đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” đối với bị cáo Nguyễn Văn H1, xem xét dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với hành vi của Nguyễn Thu T5.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án theo quy định.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn H1 đồng ý với tội danh “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, không đồng ý với tội danh “Trộm cắp tài sản”, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H1 đề ngày 14/12/2023, được gửi trực tiếp cho Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang vào cùng ngày. Ngày 05/01/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/QĐ-VKS-P7 đối với bản án số 313/2023/HSST ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Theo quy định tại Điều 333 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đơn kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa là hợp pháp và trong thời hạn luật định, do đó Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo và kháng nghị nói trên theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa và kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H1:

Xét thấy: Căn cứ lời khai của bị cáo Nguyễn Công H, Đỗ T và Nguyễn Văn H1 tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm cho thấy: Vào ngày 11/5/2022, tại thời điểm trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là một số vật tư sắt của Công ty Cổ phần Q, Nguyễn Công H đã bàn bạc về việc dự định lấy trộm tài sản với Đỗ T, sau đó T liên hệ nhờ Nguyễn Văn H1 tìm người tiêu thụ số sắt trộm cắp được nói trên và được H1 liên hệ với Thái Thanh T8 xin thông tin của người thu mua Nguyễn Thu T5 để đưa cho T liên lạc. Đến 22 giờ cùng ngày, Nguyễn Công H, Đỗ T đã thực hiện hành vi trộm cắp số sắt vật tư bán một phần cho Nguyễn Thu T5, phần còn lại H đã di chuyển đến điểm tập kết và dùng máy xúc đào hố lấp đất chôn lại để tránh bị phát hiện.

Như vậy, Nguyễn Văn H1 đã tham gia từ trước khi các bị cáo Nguyễn Công H và Đỗ T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với vai trò là người tìm giúp nơi tiêu thụ tài sản trộm cắp được trong trường hợp các bị cáo H và T chiếm đoạt được số sắt vật tư của Công ty Cổ phần Q. Số tiền bán sắt cho Nguyễn Thu T5 được chuyển khoản cho Nguyễn Văn H1, sau đó được các bị cáo chia cho nhau, H1 hưởng lợi số tiền 4.000.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Văn H1 có dấu hiệu đồng phạm với Nguyễn Công H, Đỗ T về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là chưa chính xác, không đúng với quy định của pháp luật.

Mặt khác, đối với hành vi của Nguyễn Thu T5 cần tiến hành điều tra làm rõ việc có căn cứ cho rằng Nguyễn Thu T5 biết rõ số tài sản T5 mua từ các bị cáo là tài sản do phạm tội mà có hay không, cần điều tra xác định các điều kiện về không gian, thời gian, nhận thức tâm lý của Nguyễn Thu T5 để làm rõ các dấu hiệu của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, từ kết quả điều tra mới có thể xem xét có hay không dấu hiệu phạm tội đối với hành vi của T5, nhưng những vấn đề này chưa được cấp sơ thẩm điều tra làm rõ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H1 có yêu cầu rút toàn bộ đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Tuy nhiên, ngoài kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H1, trong vụ án này còn có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Khánh Hoà đối với toàn bộ vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục xem xét giải quyết vụ án theo quy định.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần thiết chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Nha Trang để tiến hành điều tra, xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 345; điểm c khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà, huỷ Bản án hình sự sơ thẩm số 313/2023/HSST ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà để điều tra, xét xử lại vụ án theo thủ tục chung.

2/ **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn H1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÂM VƯƠNG MỸ LINH